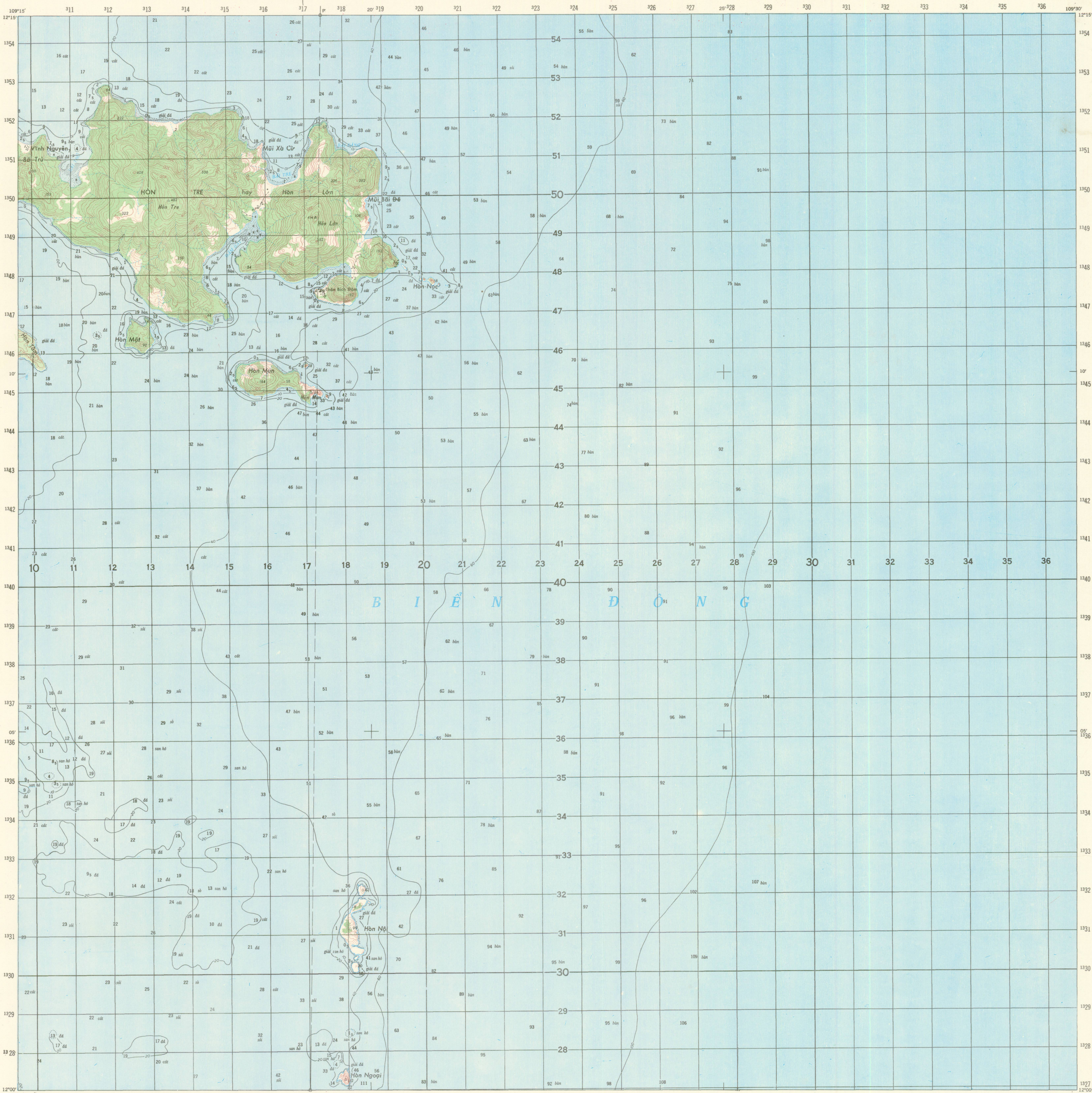
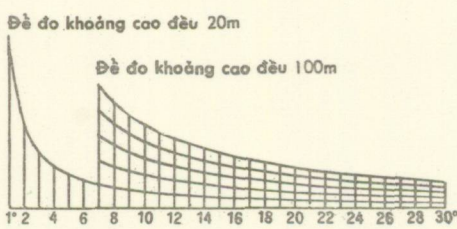




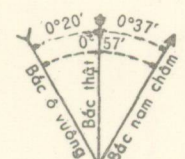
BẢNG CHẤP



VIỆT NAM
T. Khánh Hòa
T.P Nha Trang

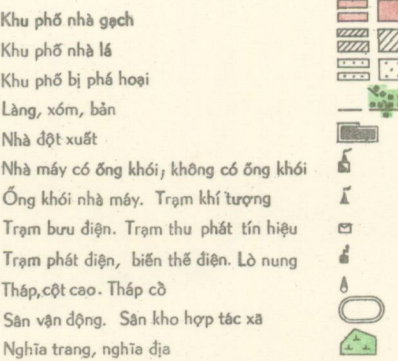
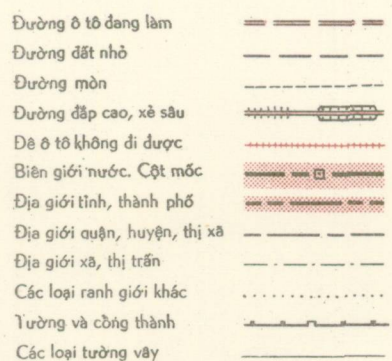
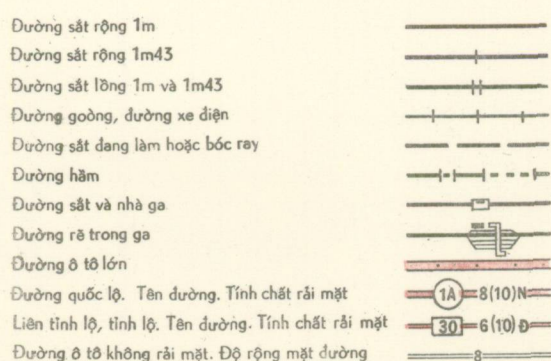
6833 IV	6833 I	
6833 III	6833 II	
6832 IV	6832 I	

HỒN TRE 6833 II

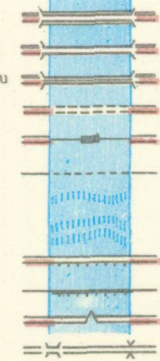
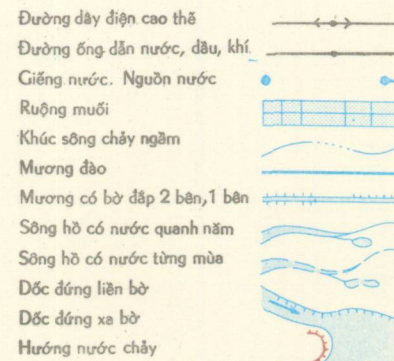


GỐC ĐỘ	LY GIÁC	
	6000	6400
0°20'	0-06	0-06
0°37'	0-10	0-1,1
0°57'	0-16	0-17

Khoảng cao đều đường bình độ cơ bản là 20m đường bình độ phụ là 10m
E-LIP QUẢ ĐẤT Ê-VƠ-RÉT, CHIỀU HÌNH U.T.M, MÚI 49
GÓC ĐẠI ĐỊA ẤN ĐỘ 1960. GÓC ĐỘ CAO HÀ TIỀN



Tượng đài bia Hàng
Nhà thờ, đình, chùa lớn
Nhà thờ, đình, chùa nhỏ
Trường học. Bệnh viện
Chợ. Lô cốt
Kho nhiên liệu. Đồ đạc lặt
Cây đặc lập. Đám cây có ý nghĩa phương vị
Sân bay cấp 1, 2, 3, cấp 4
Hầm mỏ : Đàng khai thác; ngừng khai thác
Mỏ lộ thiên -
Đồ cao : Đồ kiến tra; chue kiểm tra
Trụ sở U. B. N. D xã; thị trấn, huyện; quận; tỉnh, thành phố



Bãi cát, sỏi, cuội
Bãi bùn,
Bãi đá lộn chõm
Bờ cỏ gia cố
Kê chắn nước, để chân sóng
Cột tín hiệu, Cầu tàu kiểu dè
Bến tàu thuyền, chỗ bỏ neo
Dàn biển
Chỉ tàu đắm
Để khô trên mặt nước. Để ngầm
Để khô nhô lên, lúc ngầm. San hô
Đường biển nổi. Đèn đóm dưới sâu



Rừng già
Rừng thưa, bụi rậm.
Rừng người trồng cao trên 4
Rừng người trồng từ 4m trở
Ruộng lúa
Hoa màu
Bãi cát, sỏi trên cạn
Bãi đá tảng
Núi đất
Núi đá.
Và bằng đường bình độ
Và bằng nét chải tượng trưng

